

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/HC-PT

Ngày: 10/02/2023

V/v: *Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyền;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huyền Cường;

Ông Phùng Hải Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Phạm Quốc Huy - Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 09 và 10 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 270/2021/TLPT-HC ngày 13 tháng 9 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 23/2021/HC-ST ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 553/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Hữu H (Đã chết ngày 25/5/2021).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H:

1. Ông Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Hữu H2, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Bà Hữu Thị Bích L, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

4. Ông Nguyễn Hữu H3, sinh năm 1964; địa chỉ: Số E, ngõ B N, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội. Có mặt.

5. Bà Hữu Thị H4 (Thu H5), sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Hữu H6, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

7. Bà Hữu Thị H7, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

8. Bà Hữu Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm T, xã Y, huyện H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H2, bà L, ông H3, bà H5, ông H6, bà H7, bà T: Ông Nguyễn Hữu H1. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Văn T1 (có mặt), Luật sư Nguyễn Văn T2 (vắng mặt), Luật sư Vũ Hoàn L1 (vắng mặt) – Công ty L5 – Ngân hàng, Đoàn Luật sư thành phố H.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, thành phố Hà Nội và Ủy ban nhân dân huyện H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn A – Phó Chủ tịch. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Ông Nguyễn Hữu D (đã chết ngày 20/5/2021);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông D:

3.1. Cụ Xuân Thị H8, sinh năm 1946; địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hữu Thị S, sinh năm 1937; địa chỉ: Thôn R, xã S, huyện H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3.2. Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3.3. Bà Hữu Thị L2, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3.4. Bà Hữu Thị V, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3.5. Ông Nguyễn Hữu T3, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn G, xã S, huyện H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ H8, ông K, bà L2, bà V, ông T3: Bà Phạm Thị Ngọc O, sinh năm 1977; địa chỉ: Số F phố T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

4. Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Ông Nguyễn Duy H9, sinh năm 1984; địa chỉ: Số F, phố T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Phạm Thị Ngọc O, sinh năm 1977; địa chỉ: Số F phố T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

5. Ông Nguyễn Hữu H2, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

6. Bà Hữu Thị B (Bích L3), sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

7. Ông Nguyễn Hữu H3, sinh năm 1964; địa chỉ: Số B đường N, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội. Có mặt.

8. Bà Hữu Thị H4 (Thu H5), sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

9. Bà Hữu Thị H7, sinh năm 1973; địa chỉ: N tư S, xã S, huyện H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

10. Bà Hữu Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

11. Ông Nguyễn Hữu H6, sinh năm 1970; địa chỉ: Ngã tư S, huyện H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H2, bà L3, ông H3, bà H5, ông H6, bà H7, bà T: Ông Nguyễn Hữu H1. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện ông Nguyễn Hữu H trình bày:

Trước cánh mạng tháng 8 năm 1945, ông Nguyễn Hữu G (bác ông) đã ở trên nhà đất tại thửa đất số 562, tờ bản đồ số 04 diện tích 266m², thôn H, xã S, huyện H, thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là thửa đất số 562). Năm 1945, ông G mất, ông là người đến ở kế tục việc thờ cúng tổ tiên. Vì gia đình ông không có nơi ở, căn cứ luật cải cách ruộng đất, ngày 01/06/1956, Ủy ban hành chính tỉnh Hà Tây đã cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất số 487 địa bạ số 101 cho ông, trong đó có diện tích đất ở là 10 thước Bắc Bộ. Từ năm 1956 đến nay gia đình ông đã tạo lập nhiều tài sản trên, sinh sống và sử dụng liên tục ổn định, không có tranh chấp với bất kỳ ai.

Đến ngày 29/12/2003, thửa đất trên tiếp tục được UBND huyện H cấp GCNQSD đất số S549708 với số hiệu thửa đất số 562, tờ bản đồ 04 tại xã S mang tên hộ ông Nguyễn Hữu H.

Từ đầu năm 2018 đến nay một số người trong họ Nguyễn Hữu xã S1 cho rằng thửa đất gia đình ông đang ở là tài sản chung của dòng họ.

Sau đó họ ép ông ký vào văn bản đánh máy sẵn có tiêu đề Biên bản cuộc họp dòng họ Nguyễn Hữu ngày 13/6/2018; Đơn đề nghị sửa đổi chủ sở hữu

(hoặc cấp lại) quyền sử dụng đất ngày 06/6/2018 và Đơn đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đã giả mạo đứng tên ông ngày 04/9/2018.

Ngày 06/11/2018, UBND huyện H ban hành Quyết định số 6568/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSD đất số S549708 do UBND huyện H cấp ngày 29/12/2003 cho hộ gia đình ông (sau đây viết tắt là Quyết định số 6568). Lý do thu hồi: *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Hữu H là không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng hiện trạng sử dụng đất và không đúng nguồn gốc sử dụng đất.*

Không đồng ý với Quyết định số 6568, ông đã khiếu nại đến UBND huyện H. Ngày 25/4/2019, Chủ tịch UBND huyện H đã ban hành Quyết định số 1561/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (sau đây viết tắt là Quyết định số 1561) có nội dung vẫn giữ nội dung Quyết định số 6568/QĐ-UBND.

Ngày 26/6/2019, ông đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội yêu cầu:

- Công nhận quyền sử dụng hợp pháp của hộ gia đình ông đối với thửa đất số 562, tờ bản đồ số 04, diện tích 266m² thôn H, xã S, huyện H, Hà Nội.
- Hủy Quyết định số 6568 của UBND huyện H.
- Hủy Quyết định số 1561 của Chủ tịch UBND huyện H.

Ý kiến của đại diện ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Thửa đất có nguồn gốc là của dòng họ Nguyễn H10, xã S nhận chuyển nhượng để làm nhà thờ họ Nguyễn Hữu. Trước năm 1955, họ Nguyễn H10 giao cho ông Nguyễn Hữu G là người trong họ trông nom, quản lý. Từ năm 1955, sau khi ông G chết, dòng họ cử ông H đến trông nom nhưng không có giấy tờ, văn bản. Tại thời điểm ông H đến trông nom, trên thửa đất có 03 gian nhà thờ. Trong quá trình ở gia đình ông H có xây dựng thêm một số công trình như buồng, nhà ngang, bếp, bể nước, tường bao... Khoảng năm 2005, dòng họ có phá bỏ một số công trình trên đất do ông H xây dựng để sửa chữa, xây dựng lại cho đẹp hơn.

Về việc kê khai hồ sơ xin cấp GCNQSD đất: Trên cơ sở kê khai của ông Nguyễn Hữu H, ngày 21/10/2002 được Hội đồng đăng ký đất đai xã S xét duyệt và đã thông báo công khai 15 ngày kể từ ngày thông báo. Kết thúc công khai không có đơn thư khiếu nại. Ngày 25/11/2003, UBND xã S có tờ trình số 162TT/UB đề nghị cấp GCNQSD đất cho 138 hộ (trong đó có hộ ông Nguyễn Hữu H). Ngày 29/12/2003, UBND huyện H ban hành Quyết định số 4164/QĐ-UB về việc cấp GCNQSD đất cho 138 trường hợp trong đó có hộ ông H.

Căn cứ kết quả xác minh cho thấy: Thửa đất có nguồn gốc là của dòng họ Nguyễn H10, xã S nhận chuyển nhượng để làm nhà thờ họ. Bởi vậy việc xét cấp GCNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Hữu H (trưởng họ Nguyễn H10) là không đúng đối tượng được kê khai đăng ký cấp GCNQSD đất.

Ngày 6/11/2018, UBND huyện H ban hành Quyết định số 6568 về việc thu hồi GCNQSD đất với lý do GCNQSD đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Hữu H

là không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng hiện trạng sử dụng đất và không đúng nguồn gốc sử dụng đất.

Ông Nguyễn Hữu H đã khiếu nại Quyết định số 6568. Ngày 25/4/2019, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 1561 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu H với nội dung giữ nguyên nội dung Quyết định số 6568.

Trình bày của UBND xã S:

Bản đồ thổ cư xã S năm 1986, thửa số 501, diện tích 245m² ghi tên ông Hữu H1 theo sổ ghi chép Lý lịch ruộng đất xã S.

Theo sổ đóng thuế nhà đất xóm H: Thửa số 501 diện tích 245m² ghi tên chủ hộ là ông Hữu H1 (tức Nguyễn Hữu H1), phần ghi tên thường gọi là nhà thờ.

Theo sổ mục kê đất theo dõi năm 2001: Thửa số 562 tờ bản đồ số 4 diện tích 266m² đứng tên ông Nguyễn Hữu H.

Bản đồ địa chính lập đo vẽ năm 2004 chưa được phê duyệt: Thửa số 562 tờ bản đồ số 04 diện tích 266m².

Các người liên quan hộ gia đình ông Nguyễn Hữu H là các con của ông H gồm: Ông Nguyễn Hữu H1, ông Nguyễn Hữu H2, ông Nguyễn Hữu H6, ông Nguyễn Hữu H3, bà Hữu Thị T, bà Hữu Thị L, bà Hữu Thị H4, bà Hữu Thị H7 cùng đồng ý với ý kiến của ông Nguyễn Hữu H.

Các ông Nguyễn Hữu C, Nguyễn Hữu D trình bày: Các ông xác nhận nguồn gốc thửa đất và quá trình hình thành các tài sản trên đất giống như trình bày của người bị kiện. Các ông là thành viên trong ban khánh tiết dòng họ Nguyễn H10 và được giao chìa khóa để mở cửa vào nhà đất trên, bản thân các ông không được biết thửa đất trên lại được cấp quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu H. Năm 2009, khi xây lại cổng và tường bao thì bà L4 hàng xóm có ý kiến đã lấn sang đất của gia đình bà. Lúc đó ông H cung cấp GCNQSD đất thì các ông mới biết và chính các ông và một số người trong dòng họ Nguyễn H10 đã làm đơn đề nghị thu hồi GCNQSD đất đứng tên ông Nguyễn Hữu H vì vậy đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2021/HC-ST ngày 29/01/2021, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 3; Điều 30; 32; 116; khoản 2 Điều 193; 194; 204; 206 Luật Tổ tụng hành chính; Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; khoản 4 điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Luật giải quyết khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Khoản 2 Điều

32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H:

- Hủy Quyết định số 6568/QĐ-UBND ngày 06/11/2018 của UBND huyện H về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Hủy Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/02/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu D, ông Nguyễn Hữu C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Hữu C và người đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Hữu D giữ nguyên kháng cáo; cho rằng trên cơ sở xem xét nguồn gốc, đối tượng sử dụng, hiện trạng sử dụng đất, UBND huyện H đã ra Quyết định số 6568 là đúng pháp luật; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định số 6568 của UBND huyện H; Quyết định số 1561 của Chủ tịch UBND huyện H.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Hữu H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đều đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án và nhận định: Trên cơ sở trình bày của ông D, ông C, bà S và những người trong dòng họ Nguyễn H10 và chính bản thân ông H trong nhiều buổi làm việc cũng như hiện trạng các công trình, tài sản có trên đất, xác định nguồn gốc thửa đất số 562 là của dòng họ Nguyễn H10, hiện trạng thửa đất theo Biên bản thẩm định của Tòa án cấp sơ thẩm có diện tích và kích thước khác với GCNQSD đất đã cấp cho ông H; người sử dụng thửa đất được xác định trên thực tế trong nhiều chục năm nay gồm cả ông H và dòng họ Nguyễn H10 nên UBND huyện H trên cơ sở xem xét nguồn gốc, đối tượng sử dụng, hiện trạng sử dụng đất đã ban hành Quyết định số 6568 về việc thu hồi GCNQSD đất đã cấp cho ông H là đúng pháp luật; đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định số 6568 của UBND huyện H và Quyết định số 1561 của Chủ tịch UBND huyện H.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ông Nguyễn Hữu H khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 6568 của UBND huyện H về việc thu hồi GCNQSD đất, Quyết định số 1561 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại trong thời hiệu khởi kiện, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Chủ tịch và UBND huyện H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, một số đương sự khác vắng mặt nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền của họ; UBND xã S đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do; xét việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo của ông Nguyễn Hữu D, ông Nguyễn Hữu C, căn cứ vào Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, HĐXX tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

Ông Nguyễn Hữu H đã chết ngày 25/5/2021, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ xác định người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H là: Ông Nguyễn Hữu H1, ông Nguyễn Hữu H2, Bà Hữu Thị Bích L, ông Nguyễn Hữu H3, bà Hữu Thị H4 (T), ông Nguyễn Hữu H6, bà Hữu Thị H7, bà Hữu Thị T.

Ông Nguyễn Hữu D đã chết ngày 20/5/2021, xác định người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông D là bà Xuân Thị H8, ông Nguyễn Hữu K, bà Hữu Thị L2, bà Hữu Thị V, ông Nguyễn Hữu T3.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H giữ nguyên nội dung khởi kiện; Đại diện UBND huyện H có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm; Ông C và người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông D giữ nguyên nội dung kháng cáo của ông D. Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hữu D và ông Nguyễn Hữu C, HĐXX thấy:

[2.1]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 6568 của UBND huyện H:

- *Về thẩm quyền:* Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 24/6/2016 của UBND huyện H về việc phân công công tác đối với các thành viên UBND huyện H nhiệm kỳ 2016 - 2021 thì ông Nguyễn A - Phó Chủ tịch UBND huyện H ký Quyết định về việc thu hồi GCNQSD đất thay Chủ tịch UBND huyện H là đúng thẩm quyền.

- *Về trình tự, thủ tục ban hành:*

Khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi bổ sung điểm c khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định:

“c) Trường hợp người sử dụng đất phát hiện Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật về đất đai thì gửi kiến nghị bằng văn bản đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có trách nhiệm kiểm tra, xem xét quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật về đất đai”.

Trường hợp này, ông Nguyễn Hữu H là người sử dụng đất phát hiện việc cấp GCNQSD đất không đúng quy định pháp luật, có Đơn đề nghị sửa đổi, chủ sở hữu (hoặc cấp lại) quyền sử dụng đất ngày 06/6/2018 và cùng một số người trong dòng họ Nguyễn Hữu k vào Đơn đề nghị thu hồi GCNQSD đất giả mạo đứng tên ông ngày 04/9/2018 nên sau khi kiểm tra, xem xét, thấy có việc cấp GCNQSD đất đứng tên hộ ông H là không đúng quy định pháp luật nên UBND huyện H đã ra Quyết định số 6568 thu hồi GCNQSD đất đứng tên hộ ông H mà không thông báo cho hộ ông H trước 30 ngày là đúng với quy định tại điểm c khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại điểm b khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ để xác định sau khi tiến hành xác minh, phát hiện việc cấp GCNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Hữu H không đúng quy định của pháp luật về đất đai, UBND huyện H đã không tiến hành thông báo cho hộ ông Nguyễn Hữu H biết lý do mà đã ban hành Quyết định số 6568 không đúng trình tự, thủ tục ban hành Quyết định thu hồi đất - Đây là nhận định không chính xác.

- Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án, UBND huyện H cũng như các đương sự về phía dòng họ Nguyễn H10 cho rằng thửa đất có nguồn gốc sử dụng là của dòng họ Nguyễn Hữu nhận chuyển nhượng để làm nhờ thờ họ. Trước năm 1955, dòng họ Nguyễn H10 giao cho ông Nguyễn Hữu G là người trong họ trông nom, quản lý. Sau khi ông G chết, dòng họ cử ông Nguyễn Hữu H (là trưởng họ) đến ở và trông nom.

Sau khi khởi kiện vụ án tại Tòa án, ông H trình bày nguồn gốc thửa đất là của cụ Nguyễn Hữu G quản lý, sử dụng từ trước năm 1945. Năm 1945 cụ G chết không để lại di chúc. Đến năm 1955, do không có chỗ ở nên ông Nguyễn Hữu H chuyển đến sinh sống trên thửa đất này. Năm 1956, Ủy ban hành chính tỉnh H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất số 487, địa bạ số 101 cho hộ gia đình ông Nguyễn Hữu H. Ngày 29/12/2003, hộ gia đình ông Nguyễn Hữu H được UBND huyện H cấp GCNQSD đất số S549708, nên đây là thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông.

Tuy nhiên, tại các văn bản (đơn đề nghị đính chính lại GCNQSD đất cho tập thể dòng họ Nguyễn Hữu năm 2011, đơn đề nghị điều chỉnh GCNQSD đất năm 2012) và tại các buổi làm việc với Phòng tài nguyên và môi trường huyện H và UBND xã S trong suốt thời gian dài từ năm 2011 đến tháng 8/2018, ông H đều xác định thửa đất có nguồn gốc sử dụng là của dòng họ Nguyễn Hữu n

chuyển nhượng để làm nhà thờ họ. Trước năm 1955, dòng họ Nguyễn H10 giao cho ông Nguyễn Hữu G là người trong họ trông nom, quản lý. Sau khi ông G chết, dòng họ cử ông Nguyễn Hữu H (là trưởng họ) đến ở và trông nom.

Tại Biên bản làm việc ngày 09/10/2018 với Phòng tài nguyên và môi trường huyện H và UBND xã S; ông Nguyễn Hữu H, Nguyễn Hữu H1 đã khẳng định: *“Thửa đất có nguồn gốc là đất của dòng họ Nguyễn H10, xã S. Ngày trước dòng họ có giao cho cụ Nguyễn Hữu G trông nom, quản lý, sau đó vì cụ G không có con trai nên đến khi cụ G mất thì dòng họ cử cụ Nguyễn Hữu H xuống trông nom từ năm 1955”*.

Ông Nguyễn Hữu H còn trình bày: Ông không làm thủ tục để cấp GCNQSD đất, không ký vào đơn xin cấp GCNQSD đất cũng như các văn bản trong hồ sơ xin cấp GCNQSD. Năm 2004, ông B1 là Trưởng thôn đưa cho ông H GCNQSD đất. Ông H xem và thấy ghi tên người sử dụng đứng tên ông nên đã có ý kiến với ông B1 nhưng ông B1 không nói gì nên ông H cất đi.

Quan điểm này của ông H không chỉ thể hiện tại Biên bản làm việc ngày 09/10/2018 mà còn tại nhiều các tài liệu khác như Biên bản làm việc ngày 01/10/2018 (do ông Nguyễn Hữu H1 là con trai ông H tham gia và thống nhất ký tên vào biên bản), Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 09/10/2018 (do ông Nguyễn Hữu H1 tham gia và thống nhất ký tên), Biên bản cuộc họp ngày 13/6/2018; Đơn đề nghị sửa đổi, chủ sở hữu (hoặc cấp lại) quyền sử dụng đất ngày 06/6/2018 và Đơn đề nghị thu hồi GCNQSD đã giao mạo đứng tên ông ngày 04/9/2018 (do ông Nguyễn Hữu H trực tiếp ký tên).

Không chỉ đến năm 2018 ông H mới có quan điểm như trên, mà từ ngày 06/9/2011 ông H đã có đơn đề nghị đính chính lại GCNQSD đất cho tập thể dòng họ Nguyễn H10; đến ngày 09/4/2012, ông H đã ký tên vào đơn đề nghị điều chỉnh GCNQSD đất với lý do: Hiện trạng thửa đất là đất chung của dòng họ mua và đã xây ba gian nhà thờ từ năm 1929, nhưng sổ đỏ lại ghi tên chủ hộ là Nguyễn Hữu H. Sau khi khởi kiện ra Tòa, ông H cho rằng bị ép ký vào Biên bản cuộc họp ngày 13/6/2018, Đơn đề nghị ngày 06/6/2018 và Đơn đề nghị ngày 04/9/2018 là không có cơ sở chấp nhận vì việc ông H thừa nhận thửa đất số 562 là của dòng họ Nguyễn H10 và ông H chỉ là người trông nom, được thể hiện trong rất nhiều văn bản trong một thời gian dài từ năm 2011 đến tháng 10/2018, ông H cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh mình bị ép buộc.

Tại Biên bản làm việc ngày 17/4/2019 giữa Phòng tài nguyên và môi trường huyện H, UBND xã S và ông Nguyễn Hữu H, ông Nguyễn Hữu H1, ông H cho rằng lời khai trước đây là không chính xác do chỉ nghe kể lại, không thừa nhận nguồn gốc đất là của dòng họ Nguyễn H10, từ đó đề nghị thu hồi GCNQSD đất của ông H là không đúng. Điều này một lần nữa thể hiện ông H trước đây đã thừa nhận nội dung làm việc tại Biên bản làm việc ngày 09/10/2018, ngày 01/10/2018 cũng như tại Biên bản cuộc họp ngày 13/6/2018, Đơn đề nghị sửa đổi, chủ sở hữu (hoặc cấp lại) quyền sử dụng đất ngày 06/6/2018 và Đơn đề nghị thu hồi GCNQSD đã giao mạo đứng tên ông ngày 04/9/2018 trước đây là đúng và hoàn toàn tự nguyện, không có sự kiện ép buộc.

Chỉ đến khi tìm hiểu về Giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất năm 1956 thì ông H mới thay đổi quan điểm.

Về hiện trạng thửa đất: Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm thì diện tích thửa đất trên thực tế chỉ có 263,2m² đất (giảm 2,7m² đất); cạnh phía Tây của thửa đất là đường gấp khúc gồm 03 đoạn thẳng nhưng diện tích ghi trong GCNQSD đất lại là 266m² đất; sơ đồ thửa đất trong GCNQSD đất cạnh phía tây lại là đường thẳng.

Về đối tượng sử dụng đất: Luật cải cách ruộng đất năm 1953, Bộ luật dân sự, Luật đất đai cùng các văn bản hướng dẫn thi hành qua các thời kỳ đều quy định loại đất được sử dụng vào việc làm nhà thờ, từ đường có thể do một người trong dòng họ đứng tên hoặc đứng tên chủ sử dụng chung của dòng họ, cộng đồng. Trong vụ án này, các bên đương sự thừa nhận thửa đất, nhà thờ và các công trình xây dựng trên đất không chỉ được gia đình ông H sử dụng hàng ngày mà còn lại nơi dòng họ Nguyễn H10 sử dụng vào việc thờ cúng trong các dịp lễ, tế, giỗ, chạp...

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H1 thừa nhận từ năm 2018 cho đến khi ông H chết (2021) do tuổi cao, sức yếu cần người chăm sóc hàng ngày nên ông H đã về sống chung với ông H1 mà không còn ở tại thửa đất trên nữa.

Như vậy, Quyết định 6568 xác định lý do thu hồi do GCNQSD đất đã cấp không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng hiện trạng sử dụng đất và không đúng nguồn gốc sử dụng đất là có cơ sở pháp lý và thực tiễn.

Ngoài ra, HĐXX còn thấy rằng, cũng tại Biên bản làm việc ngày 09/10/2018 ông H còn cho rằng mình không phải là người kê khai đề nghị cấp GCNQSD đất; Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 31/10/2002 không phải do ông H lập, không phải do ông H ký, ông cũng không biết ai là người kê khai, đề nghị cấp GCNQSD đất cho ông nên về thủ tục cấp GCNQSD đất số S549708 cho ông Nguyễn Hữu H là trái quy định pháp luật.

Cũng chính vì vậy, tại Điều 2 của Quyết định 6568, UBND huyện H đã giao Chi nhánh Văn phòng Đ huyện H, Phòng tài nguyên và môi trường, UBND xã S phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định; hướng dẫn việc kê khai đăng ký lại việc sử dụng đất, cấp GCNQSD đất theo quy định pháp luật. Việc thu hồi GCNQSD đất không đồng nghĩa với việc thu hồi đất, UBND huyện H cũng không đồng thời khẳng định quyền sử dụng đất hợp pháp trên thực tế thuộc về ai mà chỉ thu hồi GCNQSD đất để làm thủ tục cấp lại GCNQSD đất theo đúng quy định pháp luật nhằm đảm bảo về trình tự, thủ tục và nội dung, tránh xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự.

Cũng cần lưu ý rằng, đây là vụ án hành chính, trên cơ sở đơn khởi kiện đề nghị hủy GCNQSD đất của người khởi kiện, do đó, Tòa án chỉ xem xét về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung của Quyết định thu hồi GCNQSD đất của UBND huyện H; Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện H mà không xác định quyền sử dụng đất cũng như các tài sản trên đất thuộc về ai,

không làm mất đi quyền khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp về quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất giữa các bên đương sự. Các bên đương sự có quyền khởi kiện vụ án dân sự khi có yêu cầu và đáp ứng được quy định pháp luật tố tụng dân sự trong trường hợp nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

Như vậy, việc UBND huyện H ban hành Quyết định số 6568 đề thu hồi GCNQSD đất số S549708 đã cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn Hữu H vì lý do không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng nguồn gốc sử dụng đất và không đúng hình thể, diện tích thửa đất là đảm bảo về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và phù hợp về nội dung. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định hủy Quyết định số 6568 của UBND huyện H là chưa phù hợp quy định pháp luật.

[2.2]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 1561 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại:

- *Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành*: Ông Nguyễn Hữu H khiếu nại Quyết định số 6568 của UBND huyện H, căn cứ Luật giải quyết khiếu nại năm 2011, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 1561 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại.

- *Về nội dung*: Như đã phân tích ở trên, do Quyết định số 6568 ngày 06/11/2018 của UBND huyện H được ban hành là đảm bảo về trình tự, thủ tục và nội dung nên Quyết định số 1561 của Chủ tịch UBND huyện H về việc không chấp nhận khiếu nại của ông Nguyễn Hữu H, giữ nguyên Quyết định số 6568 của UBND huyện H có nội dung phù hợp quy định pháp luật.

[3]. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, HĐXX có cơ sở chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Hữu D, ông Nguyễn Hữu C, cần sửa bản án sơ thẩm theo nội dung đã phân tích nêu trên.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Hữu D và ông Nguyễn Hữu C không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Tòa án cấp phúc thẩm sẽ xác định lại án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu D, ông Nguyễn Hữu C; sửa toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2021/HC-ST ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội:

- Căn cứ khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; khoản 4 điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Luật giải quyết khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H đề nghị Hủy Quyết định số 6568/QĐ-UBND ngày 06/11/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc giải quyết khiếu nại.

2. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Mặc dù yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nhưng ông Nguyễn Hữu H là người cao tuổi, tại thời điểm khởi kiện vẫn còn sống và có yêu cầu được miễn án phí nên HĐXX miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông Nguyễn Hữu H.

Chủ tịch và UBND huyện H, thành phố Hà Nội không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu D và ông Nguyễn Hữu C không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Tuyền